

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-CH/LTV/2019



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000. Số giấy chứng nhận: VN 18/00013. Ngày cấp: 03/03/2018.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

Thực phẩm bổ sung: KẸO SUKU SUKU VỊ CHANH MUỐI

2. Thành phần:

Đường, nha, muối (2%), chất điều chỉnh độ axit (INS 330), vitamin C (350mg/100g), hương chanh giống tự nhiên, màu thực phẩm tổng hợp (INS 102).

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa sữa, đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Sản phẩm được đóng gói thành các gói nhỏ, mỗi gói chứa một viên kẹo có khối lượng tịnh 4 g, sau đó được đóng gói trong túi lớn có khối lượng tịnh như sau:

- Khối lượng tịnh: 36 g (9 gói x 4 g)
120 g (30 gói x 4 g)

4.2. Chất liệu bao bì:

Bao bì trực tiếp đựng sản phẩm được làm bằng nhựa PET/VMCPP chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12 – 1:2011/BYT.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Nơi sản xuất: Công ty Eikodo Việt Nam
- Địa chỉ: J-2, KCN Thăng Long II, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Thương nhân chịu trách nhiệm và phân phối sản phẩm: Công ty TNHH Lotte Việt Nam.
- Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Trên bao bì có ghi nhãn hàng hóa theo Nghị định 43/2017/NĐ – CP (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm))

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 02/VBHN – BYT: Văn bản hợp nhất thông tư hướng dẫn quản lý phụ gia thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT – giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- Tiêu chuẩn về hóa lý cụ thể do doanh nghiệp tự xây dựng (đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 16 tháng 09 năm 2019

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Tổng Giám Đốc
AKIHIRO YAMADA

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KẸO SUKU SUKU VỊ CHANH MUỐI
Hương	-
Loại bao bì	Túi pillow
Khối lượng tịnh	4 g



Phê duyệt TGD	Phê duyệt GĐNM	Kiểm tra thiết kế Marketing	Kiểm tra nội dung Phòng KTCL
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Mai Trung Hiếu	Hồ Thị Kim Ngân

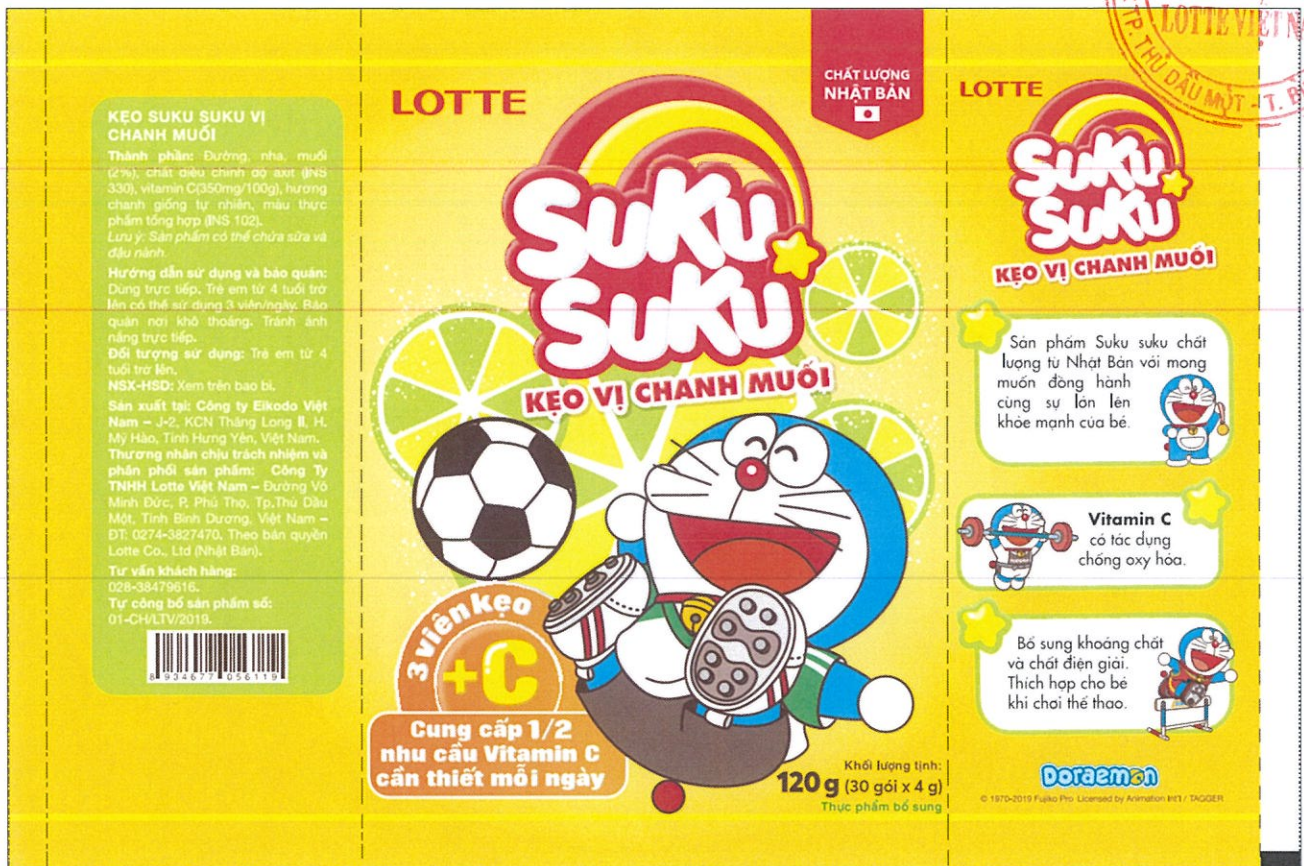
LOTTE

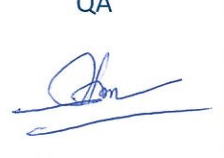
CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	SUKU SUKU KẸO VỊ CHANH MUỐI
Hương	-
Loại bao bì	túi
Khối lượng tịnh	120 g (30 gói x 4 g)



Phê duyệt TGD  Akihiro Yamada	Phê duyệt GĐNM  Nguyễn Thị Thanh	Kiểm tra thiết kế Marketing  Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng KTCL  Hồ Thị Kim Ngân	Kiểm tra Barcode QA  Nguyễn T. Hồng Tâm
---	--	---	--	---

Công ty TNHH Lotte Việt Nam

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

BẢNG MỨC ĐÁP ỨNG NHU CẦU DINH DƯỠNG TRONG 12g SẢN PHẨM
(Theo thông tư 43/2014/TT-BYT)

Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung SUKU SUKU KẸO VỊ CHANH MUỐI

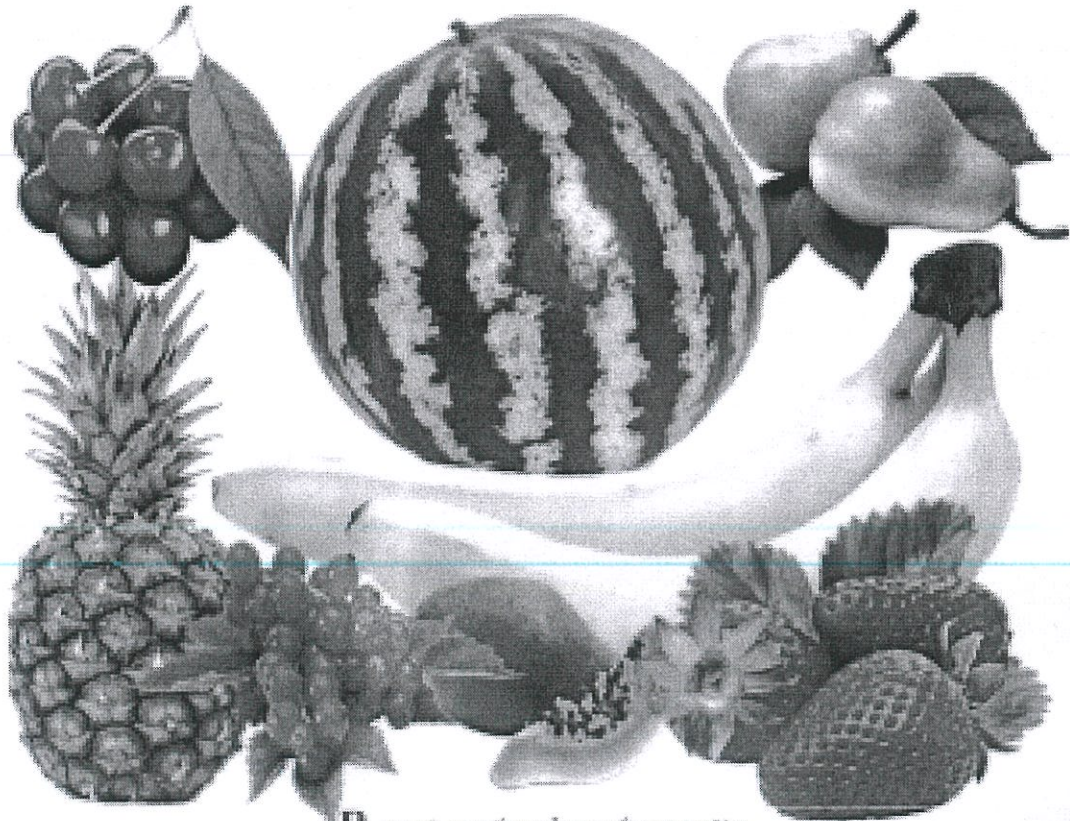
Hàm lượng Vitamin C (350 mg/100 g) tương ứng Vitamin C trong 3 viên kẹo: ~ 42 mg/12g

Nhóm tuổi, giới	Vitamin C (%)
Trẻ nhỏ	
3 tuổi	140
4-6 tuổi	140
7-9 tuổi	120
Nam vị thành niên	
10-12 tuổi	64.6
13-15 tuổi	
16-18 tuổi	
Nam trưởng thành	
19-50 tuổi	60
51-60 tuổi	
≥ 60 tuổi	
Nữ vị thành niên	
10-12 tuổi (Chưa có kinh nguyệt)	64.6
10-12 tuổi	
13-15 tuổi	
16-18 tuổi	
Nữ trưởng thành	
19-50 tuổi	60
51-60 tuổi	
>60 tuổi	
Phụ nữ mang thai	52.5
Bà mẹ cho con bú	44.2

BS. THU MINH
(Biên soạn)

+ Tủ sách thầy thuốc gia đình +

BÁCH KHOA VITAMIN



 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



Bách khoa Vitamin

◆ Vitamin C (axit ascorbic)

Vitamin C là vitamin tan trong nước là những chất dinh dưỡng tốt nhất, không những là thuốc làm đẹp dung nhan, mà còn là vitamin chống ôxy hoá, bảo vệ tế bào, thậm chí còn chống cả ung thư.

Vitamin C có phổ biến trong các loại rau, hoa quả, nhưng dễ bị môi trường bên ngoài phá huỷ.

* *Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày cần 60mg. Phụ nữ trong thời gian mang thai và cho con bú thì cần nhiều hơn, mỗi ngày 70 - 95mg. Nhưng phải chú ý vitamin C tuy tốt nhưng nếu hấp thu quá nhiều sẽ có thể gây ra một số tác dụng phụ. Ngoài ra, sau khi uống sâm, trong vòng 3 tiếng đồng hồ không nên uống thuốc vitamin C hoặc ăn thức ăn chứa nhiều vitamin C.

* *Chu kì bổ sung*

Vitamin C chỉ lưu lại trong cơ thể 4 tiếng đồng hồ, cho nên mỗi ngày bổ sung (uống) 2 lần.

* *Thức ăn chứa vitamin C*

Rau xanh, ớt xanh, cà chua, ớt, súp lơ, khoai tây, táo, đào...

* *Những người cần bổ sung vitamin C*

Những người hút thuốc lá, uống rượu và thích ăn thịt, nên bổ sung vitamin C sẽ rất có lợi cho sức khoẻ.

Những người uống thuốc tránh thai, thuốc kháng sinh, aspirin phải tăng thêm lượng vitamin C.



KT3-07280ATP9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2019
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **KẸO SUKU SUKU HƯƠNG CHANH MUỐI**
SUKU SUKU SALTY LEMON FLAVORED HARD CANDY
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 25/07/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 25/07/2019 - 31/07/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	TCVN 4069:2009	-	0,56
7.2. Hàm lượng tro không tan trong HCl, g/100 g HCl-insoluble ash content	TCVN 4071:2009	0,1	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng đường tổng qui ra glucose, g/100 g Total sugar content as glucose	TCVN 4074:2009	-	78,8
7.4. Hàm lượng đường khử qui ra glucose, g/100 g Reducing sugar content as glucose	TCVN 4075:2009	-	18,8
7.5. Hàm lượng sulfite tính theo SO ₂ , mg/kg Sulfites content as SO ₂	AOAC 2016 (990.28)	2,0	Không phát hiện Not detected

